

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỤC NGẠN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:30/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 24/8/2017

V/v; Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn An Ninh

*Các Hội Thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tất Bảy

Ông Bùi Ngọc Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Khiết, Thẩm tra viên- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang:

Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong, ngày 24 tháng 8 năm 2017. Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:54/2017/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2017, về: Tranh chấp hôn nhân và gia đình chấp.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:32/2017/QĐXX-ST ngày 25 tháng 07 năm 2017, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Quỳnh D, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: số nhà 9, khu 3, xã S, thành phố BG, tỉnh BG.

- **Bị đơn:** Anh D văn L, sinh năm 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn TS, xã BS, huyện LNg, tỉnh BG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 29/02/2017 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh D trình bày: Chị và anh Dương Văn L, kết hôn với nhau ngày 03/6/1989 có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH, huyện TY, tỉnh BG. Trước khi kết hôn chị và anh L có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và được sự đồng ý của 02 bên gia đình. Sau khi kết hôn chị đã về gia đình nhà anh L làm dâu ngay. Vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong công việc làm ăn kinh tế gia đình chị đã làm thất thoát kinh tế gia đình chị đã nói chuyện với anh L để

nhờ anh em họ hàng giúp đỡ nhưng anh L không đồng ý và cũng không cùng chị chia xẻ khó khăn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh L thường xuyên vắng nhà, vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Chị và anh L đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Hiện nay, chị đang sinh sống cùng gia đình mẹ đẻ ở xã S, thành phố BG. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Dương Huy Ph, sinh ngày 29/10/1989 và cháu Dương Huy H, sinh ngày 14/02/2001. Cháu Ph đã trưởng thành và có gia đình riêng còn cháu H vẫn đang đi học. Trường hợp vợ chồng ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu H có nguyện vọng ở với chị hay anh L chị cũng đồng ý. Nếu cháu H ở với chị, cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ghi ngày 22/03/2017 và các lời khai tiếp theo bị đơn anh Dương Văn L trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Quỳnh D kết hôn với nhau ngày 03/6/1989. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH, huyện TY, tỉnh BG. Trước khi cưới có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Vào thời gian khoảng năm 2014 anh phát hiện chị D có việc chi tiêu kinh tế trong gia đình không hợp lý làm thất thoát kinh tế gia đình. Vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn. Nay chị D có đơn xin ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ với nhau để cùng nuôi dạy các con. Trường hợp chị D vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Dương Huy Ph, sinh ngày 29/10/1989 và cháu Dương Huy H, sinh ngày 14/02/2001. Cháu Ph đã trưởng thành và có gia đình riêng còn cháu H vẫn đang đi học. Trường hợp vợ chồng ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu H cho anh nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh và chị D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 04/7/2017 ông Phạm Việt H, trưởng khu 34, xã S, thành phố BG và anh Nguyễn Văn C, Công an xã SM, thành phố BG cho biết: Chị Nguyễn Thị Quỳnh D có hộ khẩu thường trú tại địa phương ở địa phương. Được biết vợ chồng chị D và anh L không chung sống cùng với nhau, anh L ít khi ở nhà thỉnh thoảng mới nhìn thấy anh L ở gia đình. Tại biên bản xác minh ngày 12/7/2017 ông Trần Thế Tr, trưởng thôn TS, xã BS, huyện LNg, cũng cho biết: Anh D văn L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, anh L và chị D có thời gian sinh sống tại địa phương thời gian từ năm 1998 đến năm

2008. Đến năm 2008 chị D không còn sinh sống ở địa phương nữa. Quan hệ vợ chồng giữa anh L và chị D cũng có xảy ra mâu thuẫn ông cũng được biết vợ chồng chị D, anh L không còn chung sống với nhau.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh L cũng như ý kiến chị đã trình bày. Anh L trình bày, mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn chưa đến mức vợ chồng phải ly hôn nhưng đến thời điểm này chị D vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Nguyên đơn chị D và bị đơn anh L đã chấp hành tốt về quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữ chị Nguyễn Thị Quỳnh D và anh Dương Văn L. Về con chung, giao cho anh D văn L nuôi dưỡng cháu Dương Huy H, sinh ngày 14/02/2001. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quỳnh D và anh Dương văn L, kết hôn với nhau ngày 03/6/1989 có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH, huyện TY, tỉnh BG. Trước khi kết hôn chị và anh L có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và được sự đồng ý của 02 bên gia đình là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2014 nguyên nhân mâu thuẫn do chị D làm thất thoát kinh tế gia đình chị cũng đã nói chuyện với anh L nhưng không được anh L thông cảm và chia sẻ cùng chị. Mặt khác, anh L thường xuyên vắng nhà, vợ chồng không có sự gần gũi quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn vợ chồng càng trở lên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Hiện nay, vợ chồng chị D anh L không còn chung sống với nhau nữa. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả.

Tại phiên tòa chị D vẫn giữ vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh L. Anh L trình bày, mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, chưa đến mức phải ly hôn nhưng đến thời điểm này chị D vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh L đã trở lên trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Quỳnh D và anh Dương Văn L.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Quỳnh D và anh Dương Văn L có 02 con chung là cháu Dương Huy Ph, sinh ngày 29/10/1989 và cháu Dương Huy H, sinh ngày 14/02/2001. Cháu Ph đã trưởng thành và đã có gia đình riêng Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với cháu H vẫn đang đi học sống phụ thuộc vào gia đình chị D và anh L đều có nguyện vọng được nuôi cháu H và đều không có đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, chị D có ý kiến việc giao cháu H cho chị hay anh L nuôi dưỡng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo nguyện vọng của cháu H. Do vậy, Hội đồng xét thấy cần phải giao cháu Dương Huy H cho anh L nuôi dưỡng là đúng với nguyện vọng của cháu H phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Quỳnh D và anh Dương Văn L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm:Chị Nguyễn Thị Quỳnh D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Quỳnh D.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Quỳnh D và anh Dương Văn L.

Về con chung: Giao cháu Dương Huy H, sinh ngày 14/02/2001 cho anh Dương Văn L nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị D thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quỳnh D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp tại biên lai thu số: AA/2015/0000786 ngày 20/02/2017 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh D, bị đơn anh Dương văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm.

**Nơi nhận;**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã ĐH, huyện TY;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn An Ninh**









